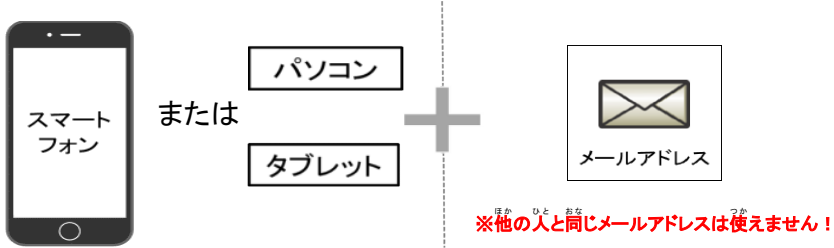


アクセス日本留学フェア

外国人学生のための進学説明会 事前来場予約の方法

①予約するために必要なもの（ご引卒の先生のご予約は不要です）



メールアドレスをもっていない人は？



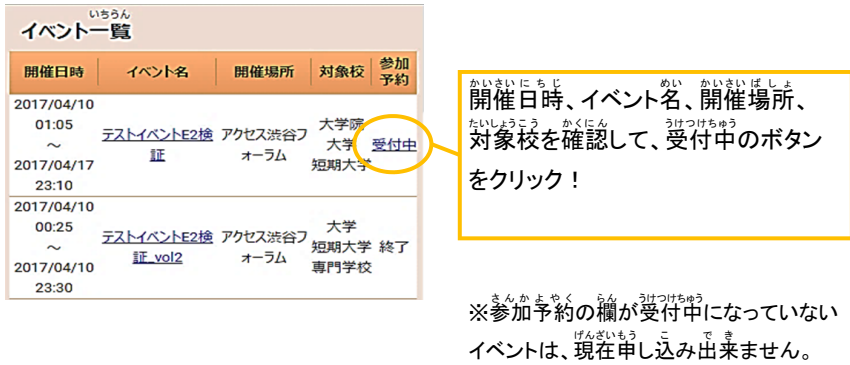
などのサービスを使って、メールアドレスを取得してください。

②予約画面を表示してください

3つの方法があります。

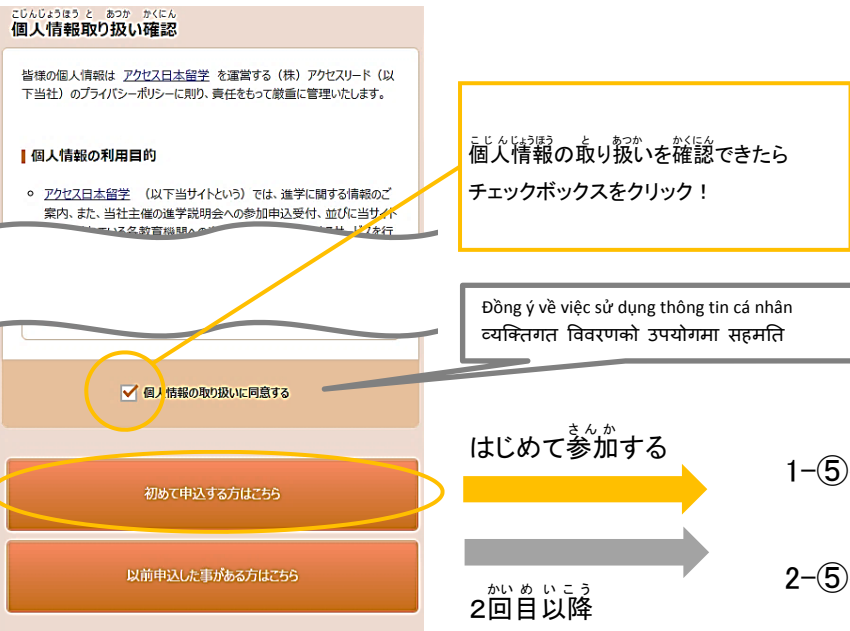


③参加したいイベントを選んでください



④個人情報取り扱い確認

Xác nhận việc sử dụng thông tin cá nhân / व्यक्तिगत विवरणको उपयोग बारेमा बुझ्ने



1-⑤あなたについて回答してください

個人情報登録入力			
参加イベント			
開催日時	イベント名	開催場所	対象校
2017/04/10 01:05 ～ 2017/04/20 23:10	テストイベントE2 検証	アクセス渋谷フォーラム	大学院 大学 短期大学
申込者の情報			
姓名（姓） / Last name ※必須項目			
アクセス			
姓名（名） / First name ※必須項目			
太郎			
ふりがな（せい） / Hiragana (last name) ※必須項目			
あくせす			
ふりがな（めい） / Hiragana (first name) ※必須項目			
たろう			
性別 / Gender ※必須項目			
☒ 男性 ☐ 女性			
生年月日 / Date of birth			
1990	/	6	/ 25
郵便番号 / Zip code ※必須項目			
〒 123	-	4567	住所検索
都道府県 / Prefecture ※必須項目			
東京都			
住所 / Address ※必須項目			
渋谷区渋谷2-5-1			
住所(マンション名等) / Building			
渋谷クロスタワー240号室			
電話番号 / Phone Number ※必須項目			
080-123-4567			
メールアドレス (PC) / E-mail address (PC) ※必須項目			
ryugaku@access.co.jp			
国籍 / Nationality ※必須項目			
ベトナム			
現在の在籍学校名 / Name of your current school			
アクセス日本語学校			
在籍学校卒業予定 / Expected year and month of graduation from current school.			
2018	/	3	

次のページへ

1-⑥大学で勉強したいことを選んでください

学びたい分野(大学) / Field of Desired Study (University)		
1 Luật, chính trị কانون・রাজনীতি	1 法・政治学系	2 Kinh tế, thương mại, kinh doanh অর্থশাস্ত্র・কমস・বিনিয়োগ
3 Xã hội, môi trường, thông tin সামাজিক・বাস্তুবরণ・সূচনা	3 社会・環境・情報系	4 Phúc lợi সমাজ কল্যাণ
5 Khoa học nhân văn মানবিকী	5 人間科学系	6 Tâm lý, triết học, tôn giáo মনোবিজ্ঞান・তর্কশাস্ত্র・ধর্মশাস্ত্র
7 Lịch sử, địa lý ইতিহাস・ভূগোল	7 史学・地理学系	8 Văn hóa, nhân văn সংস্কৃতি・মানবিকী
9 Văn học সাহিত্য	9 文学系	10 Ngôn ngữ ভাষা
11 Quan hệ quốc tế অন্তর্জাতিক সম্বন্ধ	11 国際関係学系	12 Giáo dục, giữ trẻ শিক্ষা・বালশিক্ষা
13 Nghệ thuật, âm nhạc, thẩm mỹ কলা・সংগীত・সৌন্দর্য	13 芸術・音楽・美容系	14 Khoa học tự nhiên, vật lý বিজ্ঞান・ভৌতিকশাস্ত্র
15 Kỹ thuật ইন্ডিয়ানিউজ	15 工学系	16 Nông lâm, thủy sản কৃষি・বন・মৎস্য বিকাশ
17 Sinh vật, sinh học, công nghệ sinh học বায়োলজী・জীব বিজ্ঞান	17 生物・生命科学・バイオ系	18 Thú y, chăn nuôi পশু চিকিৎসা・পশুপালন
19 Y học, nha khoa চিকিৎসা・ডেন্টাল	19 医・歯学系	20 Du lịch ফার্মেসী
21 Điều dưỡng, y tế, chăm sóc sức khỏe নার্সিং・মেডিকেল・স্বাস্থ্য	21 看護・医療・健康系	22 Khoa học đời sống, kinh tế gia đình, trang phục জীবন বিজ্ঞান・ঘর গৃহস্থী・ফেশন
23 Thực phẩm, dinh dưỡng খাদ্য・পোষণ	23 食料・栄養学系	24 Giáo dục thể chất, khoa học sức khỏe স্বাস্থ্য শারীরিক
25 Khoa tiếng Nhật dành cho du học sinh জিটেশী বিদ্যাশী(জাপানীজ ভাষা কোর্স)	25 留学生日本語別科	26 Các ngành khác অন্য

1-⑦専門学校で勉強したいことを選んでください

学びたい分野(専門学校) / Field of Desired Study (Professional Training School)		
1 Kinh doanh, công chức, pháp luật বিজনেস・নিজস্বাতি কর্মচারী কানুন সম্বন্ধি	1 ビジネス・公務員・法務系	2 Du lịch, khách sạn, hôn lễ প্যারটন・হোটেল・বিবাহ সম্বন্ধি
3 Phương tiện truyền thông đại chúng, hình ảnh, ảnh মেডিয়া・প্রিন্ট・ফটো	3 マスメディア・映像・写真系	4 Âm nhạc, âm thanh, giải trí ম্যুজিক・সান্ডব・মন্ট্রোপলন
6 Truyền tranh, hoạt hình, lồng tiếng কমিক্স・অ্যানিমেیشن・	6 デザイン・芸術系	8 Thiết kế, nghệ thuật ডিজাইন・কলা
7 Thời trang ফেশন	7 ファッション系	8 IT・コンピュータ・ネットワーク系
9 Đa phương tiện, CG, game মাল্টিমিডিয়া・সীলী গেম	9 マルチメディア・CG・ゲーム系	10 Xây dựng, kỹ thuật xây dựng, thiết kế, tạo cảnh নির্মাণ・সিভিল・আর্কিটেক্‌ট・গার্ডেনিং
11 Nội thất, tập hóa ইন্টেরিঅর ম্যাজাজিন	11 インテリア・雑貨系	12 Công nghệ, điện tử, thông tin স্ট্রয়গা ইলেকট্রনিক্স・কম্যুনিকাশন
13 Ô tô, xe máy, hàng không মোটর・বাইক・এক্সপ্লোন	13 自動車・バイク・航空系	14 Giáo dục, giáo dục mầm non, giữ trẻ শিক্ষা・শিশুশিক্ষা・বালশিক্ষা
15 Chăm sóc, phúc lợi নার্সিং・সমাজ কল্যাণ	15 介護・福祉系	16 Y tế, công nghệ y tế মেডিকেল・মেডিকেল পলিগি
17 Nghề nghiệp hành chính trong y tế মেডিকেল স্টাফ	17 医療事務系	18 Thể thao, khoa học sức khỏe স্পোর্টস・স্বাস্থ্য বিজ্ঞান
19 Cắt tóc, thẩm mỹ, làm đẹp কেশ ন্যাশনালি পাবলি	19 理容・美容・ビューティー系	20 Công nghệ sinh học, môi trường বায়োটেকনোলজী・বাস্তুবরণ
21 Hoa ফ্লাওয়ার	21 フラワー系	22 Động vật, vật nuôi জলাবায়ু পালন জলাবায়ু(পেটস)
23 Nấu ăn, dinh dưỡng, làm bánh কুকিং・পোষণ・কন্ডেকুমেন্ট	23 調理・栄養・製菓系	24 Ngôn ngữ, dịch thuật ভাষা・অনুবাদ
25 Học tiếng Nhật dành cho du học sinh জিটেশী বিদ্যাশী(জাপানীজ ভাষা কোর্স)	25 留学生日本語別科	26 Chương trình đào tạo tiếng Nhật cho du học sinh জিটেশী বিদ্যাশী(জাপানীজ ভাষা কোর্স)

1-⑧入力内容を確認してください

個人情報登録確認

下記の内容でよろしければ「申込する」ボタンを押してください。

参加イベント

開催日時	イベント名	開催場所	対象校

入力画面に戻る

申込する

個人情報登録完了

イベントへの参加申込が完了しました。

TOPに戻る

1-⑨メールを確認してください

1 (アクセス日本留学) イベント申込完了のお知らせ

パスワードを保存しましょう。
次の説明会の予約に使います。

2 イベントE2検証 受付完了

QRコードを保存しましょう。
説明会の受付で見せてください。

おつかれさまでした！

迷惑メールのフォルダに入っていないですか？
入力したメールアドレスがまちがっていませんか？

2-⑤パスワードを入力してください

メールアドレス/パスワード入力

以前申し込した際のメールアドレスとパスワードを入力し、送信ボタンを押して下さい。

メールアドレス
ryugaku@access.co.jp

パスワード
.....

個人情報取り扱い確認に戻る

送信する

Đại chỉ (máy tính)
মেল অফেস (কম্পিউটার)

【アクセス日本留学】イベント申込完了のお知らせ

パスワード: vezzyr

2-⑥入力内容を確認してください

個人情報登録確認

下記の内容でよろしければ「申込する」ボタンを押してください。

参加イベント

開催日時	イベント名	開催場所	対象校

入力画面に戻る

申込する

個人情報登録完了

イベントへの参加申込が完了しました。

TOPに戻る

2-⑦メールを確認してください

テストイベントE2検証 受付完了

QRコードを保存しましょう。
説明会の受付で見せてください。

おつかれさまでした！

メールがとどかない

迷惑メールのフォルダに入っていないですか？
入力したメールアドレスがまちがっていませんか？

⑩説明会当日

受付

大学・専門学校

出口

受付・説明を聞いた大学、専門学校のブース、出口の3つの場所でQRコードを見てください。